

Số: /2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HÓA CHẤT VỀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT THEO VÒNG ĐỜI VÀ QUẢN LÝ HÓA CHẤT TRONG SẢN PHẨM

Căn cứ Luật hóa chất số 69/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hóa chất theo vòng đời và quản lý hóa chất trong sản phẩm;

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất, bao gồm:

a. Khoản 4 Điều 2 quy định phân loại hóa chất nguy hiểm;

b. Điểm d khoản 3 Điều 9 quy định về lập sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm.

c. Khoản 4 Điều 15 quy định về hóa chất không được sử dụng trong phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công.

d. Khoản 3 Điều 17 quy định hóa chất quy định biểu mẫu, thời hạn, phương thức và lộ trình thực hiện lập phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

e. Khoản 2 Điều 23 quy định về phân loại hóa chất.

g. Khoản 4 Điều 25 quy định chi tiết về nội dung, biểu mẫu phiếu an toàn hóa chất.

h. Khoản 3 Điều 29 quy định về cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được sử dụng để phục vụ lưu trữ, quản lý, cập nhật, tích hợp, thống nhất dữ liệu về hóa chất; về hoạt động hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất; Danh mục hóa chất quốc gia; danh mục hóa chất nước ngoài được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thừa nhận và dữ liệu khác theo quy định.

i. Khoản 2 Điều 31 quy định về hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật.

2. Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa, bao gồm:

a. Điểm d khoản 3 Điều 6 quy định biểu mẫu Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Công thông tin một cửa quốc gia.

b. Khoản 8 Điều 9 quy định các biểu mẫu liên quan đến thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện.

c. Khoản 6 Điều 11 quy định biểu mẫu phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

d. Khoản 8 Điều 13 quy định biểu mẫu liên quan đến thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

g. Quy định phân cấp thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt.

h. Khoản 10 Điều 14 quy định biểu mẫu cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

g. Khoản 2 Điều 15 quy định biểu mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất.

i. Khoản 6 Điều 17 quy định biểu mẫu liên quan đến thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép, nội dung Giấy phép sản xuất hóa chất cấm

k. Điểm e khoản 2 Điều 18 quy định biểu mẫu phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm

m. Khoản 8 Điều 18 quy định biểu mẫu liên quan đến thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm.

Điều 2. giải thích từ ngữ

1. *Nhãn hóa chất* là bản viết, bản in, bản vẽ, bản chụp của chữ, hình vẽ, hình ảnh, được dán, in, đính, đúc, chạm, khắc trực tiếp trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất hoặc trên các chất liệu khác được gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.

2. *Ghi nhãn hóa chất* là việc thể hiện nội dung cơ bản, cần thiết về hóa chất lên nhãn hóa chất để người tiêu dùng nhận biết, làm căn cứ lựa chọn, tiêu thụ và sử dụng; để nhà sản xuất, kinh doanh thông tin, quảng bá cho hóa chất của mình và để các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát.

3. *Nhãn gốc của hóa chất* là nhãn thể hiện lần đầu do tổ chức, cá nhân sản xuất hóa chất gắn trên hóa chất, bao bì thương phẩm của hóa chất.

4. *Nhãn phụ* là nhãn thể hiện những nội dung bắt buộc được dịch từ nhãn gốc của hóa chất bằng tiếng nước ngoài ra tiếng Việt và bổ sung những nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật Việt Nam mà nhãn gốc của hóa chất còn thiếu.

5. *Bao bì thương phẩm của hóa chất* là bao bì chứa đựng hóa chất, lưu thông cùng với hóa chất và gồm hai loại:

a) Bao bì trực tiếp là bao bì chứa đựng hóa chất, tiếp xúc trực tiếp với hóa chất, tạo ra hình khối hoặc bọc kín theo hình khối của hóa chất;

b) Bao bì ngoài là bao bì dùng để bao gói một hoặc một số đơn vị hóa chất có bao bì trực tiếp.

6. *Ngày sản xuất* là mốc thời gian hoàn thành công đoạn cuối cùng để hoàn thiện hóa chất hoặc lô hóa chất đó.

7. *Hạn sử dụng của hóa chất* là mốc thời gian sử dụng ấn định cho hóa chất hoặc một lô hóa chất mà sau thời gian này hóa chất không còn giữ được đầy đủ các đặc tính, chất lượng vốn có của nó. Hạn sử dụng của hóa chất được thể hiện bằng khoảng thời gian tính từ ngày sản xuất đến ngày hết hạn hoặc thể hiện bằng ngày, tháng, năm hết hạn. Trường hợp hạn sử dụng chỉ thể hiện tháng, năm thì hạn sử dụng được tính đến ngày cuối cùng của tháng hết hạn.

9. *Lưu thông hoá chất* là hoạt động trưng bày, khuyến mại, vận chuyển và lưu giữ hoá chất trong quá trình mua bán hoá chất, trừ trường hợp vận chuyển hoá chất của tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoá chất từ cửa khẩu về kho lưu giữ.

Điều 3. Phiếu an toàn hóa chất

Tổ chức sản xuất hóa chất nguy hiểm, tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất nguy hiểm phải lập phiếu an toàn hóa chất khi nhập khẩu hóa chất theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Luật Hóa chất, mẫu phiếu an toàn hóa chất theo quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

Điều 4. Hóa chất nguy hiểm

1. Hóa chất nguy hiểm là hóa chất gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường và có ít nhất một đặc tính sau đây nguyên tắc phân loại GHS sau:

- a) Đặc tính nổ cấp 1, cấp 2, cấp 3, cấp 4;
- b) Đặc tính oxi hóa cấp 1, cấp 2, cấp 3;
- c) Đặc tính ăn mòn cấp 1, cấp 2, cấp 3;
- d) Dễ cháy cấp 1, cấp 2, cấp 3;
- đ) Độc cấp tính cấp 1, cấp 2, cấp 3;
- e) Độc mãn tính cấp 1, cấp 2, cấp 3, cấp 4;
- g) Gây kích ứng với con người cấp 1, cấp 2;
- h) Gây ung thư hoặc có nguy cơ gây ung thư cấp 1, cấp 2;
- i) Gây biến đổi gen cấp 1, cấp 2;
- k) Độc đối với sinh sản cấp 1, cấp 2;
- l) Tích lũy sinh học, khi chỉ số BCF \geq 1000 l/kg;
- m) Ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ;
- n) Độc hại đến môi trường, gồm: nguy hại cấp tính với môi trường thủy sinh cấp 1, cấp 2, cấp 3; nguy hại mãn tính với môi trường thủy sinh cấp 1, cấp 2, cấp 3, cấp 4.

2. *Chỉ số BCF* là Hệ số tích lũy sinh học là tỷ số giữa nồng độ của một hóa chất trong cơ thể sinh vật thủy sinh so với nồng độ của chất đó trong môi trường nước.

Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hóa chất

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có thẩm quyền,

thẩm định tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hóa chất nhóm II Phụ lục III Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025.

b. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có thẩm quyền cấp giấy phép xuất, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hóa chất nhóm II Phụ lục III Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025.

2. Cục Hóa chất là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương thực hiện quản lý hoạt động hóa chất.

a. Cục Hóa chất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung quản lý hóa chất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương.

b. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về quản lý hóa chất;

c. Tiếp nhận thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu; Tiếp nhận, cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hóa chất nhóm I Phụ lục III Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025.

d. Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với hóa chất nhóm I Phụ lục III Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025;

e. Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế đối với thủ tục cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sản xuất hóa chất cấm; Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm.

g. Tiếp nhận, tổ chức thẩm định, cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với cơ sở tồn trữ thuộc đối tượng phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất do Bộ Công Thương thẩm định.

h. Tiếp nhận, tổ chức thẩm định hóa chất mới.

i. Công bố, vận hành, nâng cấp, cập nhật thường xuyên đảm bảo Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất vận hành an toàn, hiệu quả, xây dựng cơ chế chia sẻ, sử dụng thông tin Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

m. Xây dựng chức năng cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy phép điện tử đối với Giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện, Giấy phép sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy chứng nhận đủ điều kiện dịch vụ tồn trữ qua dịch vụ công của Bộ Công Thương;

n. Xây dựng, ban hành và cập nhật Danh mục hóa chất quốc gia trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất;

o. Xây dựng quy chế quản lý khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất đảm bảo đúng thẩm quyền, đúng mục đích, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, dữ liệu cá nhân và đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng.

p. Bảo đảm nguồn lực để đầu tư, xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo nhu cầu về quản lý trong lĩnh vực hóa chất; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin chuyên ngành có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Cục Thương mại Điện tử và Kinh tế số chủ trì, phối hợp với Cục Hải quan và các cơ quan liên quan xây dựng, duy trì hoạt động các dịch vụ công trực tuyến giải quyết thủ tục hành chính.

CHƯƠNG II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG VỀ HÓA CHẤT

MỤC 1

QUY ĐỊNH VỀ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH HÓA CHẤT

Điều 6. Khai báo hóa chất nhập khẩu

Tổ chức, cá nhân khai báo hóa chất nhập khẩu thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Thông tin khai báo và phản hồi khai báo hóa chất nhập khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

MỤC II

HÓA CHẤT CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 7. Hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số ...số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; chủng loại, hàm lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

6. Mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện cho tổ chức quy định tại Phụ lục V kèm theo Thông tư này.

MỤC 3

HÓA CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT

Điều 8. Hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ theo tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt VI kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ theo tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt VI kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức được đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất đặc biệt nhóm II, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận

đủ hồ sơ hợp lệ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất;

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ đối với hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm II, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thực tế đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất trên địa bàn quản lý và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm xem xét, thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm II trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm II;

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm gửi bản sao hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của tổ chức để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản sao hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc nơi thuê dịch vụ tồn trữ có trách nhiệm kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, điều kiện kho chứa hóa chất và có ý kiến bằng văn bản về việc đáp ứng điều kiện;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức nộp hồ sơ có trách nhiệm cấp Giấy

phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm II cho tổ chức trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt trụ sở chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức đặt cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất về việc đã đáp ứng đủ điều kiện, đồng thời gửi cho các đơn vị liên quan để phối hợp quản lý. Trường hợp không cấp Giấy phép, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

Trường hợp tổ chức thuê dịch vụ tồn trữ hóa chất của tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất đặt tại địa phương đặt trụ sở chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hợp đồng sử dụng dịch vụ tồn trữ, đánh giá sự phù hợp về quy mô, chủng loại, vị trí lưu chứa hóa chất để cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đối với nhóm II.

5. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này.

6. Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép theo quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục VII kèm theo Thông tư này.

7. Mẫu giấy phép hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 6 Điều 14 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục IX kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập

khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục X kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép theo quy định tại khoản 8 Điều 14 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép theo mẫu tại Phụ lục XI kèm theo Thông tư này.

Điều 10. Kiểm soát hóa chất đặc biệt

1. Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo mẫu tại Phụ lục XIa kèm theo Thông tư này.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất tại <https://chemicaldata.gov.vn/> theo mẫu tại Phụ lục XIb kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng

Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để sản xuất hàng hóa, dịch vụ có nghĩa vụ công bố loại hóa chất, mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất tại <https://chemicaldata.gov.vn/> trước 30 ngày khi đưa hóa chất vào sử dụng lần đầu hoặc khi thay đổi mục đích sử dụng đã công bố. Mẫu đăng ký và thông báo doanh nghiệp đã đăng ký và thông báo trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Phụ lục XII kèm theo Thông tư này.

MỤC 4

HÓA CHẤT CẤM

Điều 12. Sản xuất hóa chất cấm

1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cấm lập 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy phép sản xuất hóa chất cấm theo mẫu tại phụ lục XIII kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu tại Phụ lục XIV kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy

phép khoản 5 Điều 17 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu tại Phụ lục XV kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu giấy phép sản xuất hóa chất cấm như phụ lục XV kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Nhập khẩu hóa chất cấm

1. Tổ chức hoạt động nhập khẩu hóa chất cấm thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm theo mẫu tại Phụ lục XVI kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép theo quy định tại khoản 6 Điều 18 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm theo mẫu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp thay đổi nội dung hóa đơn, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy phép theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều Điều 18 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm theo mẫu tại Phụ lục XVII kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Phương án kiểm soát hóa chất hóa chất cấm

Phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu tại Phụ lục XVIII kèm theo.

Điều 15. Sổ theo dõi sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm

Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định tại phụ lục XIX kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Hóa chất không được sử dụng trong lĩnh vực Công Thương

Các hóa chất cấm được sử dụng trong lĩnh vực Công Thương là những hóa chất cấm được ban hành tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng.

MỤC 5

DỊCH VỤ TỒN TRỮ HÓA CHẤT

Điều 17. Hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận tồn trữ hóa chất theo mẫu tại Phụ lục XX kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục XXI kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp có thay đổi về địa điểm của kho tồn trữ hóa chất; quy mô, hóa chất tồn trữ, tổ chức, cá nhân lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh theo mẫu tại Phụ lục XXI kèm theo Thông tư này.

4. Mẫu Giấy chứng nhận kinh doanh dịch vụ tồn trữ hóa chất theo Phụ lục XXII kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG III

THÔNG TIN HÓA CHẤT

Điều 18. Đăng ký hóa chất mới

1. Văn bản đăng ký hóa chất mới theo mẫu tại Phụ lục XXIII kèm theo Thông tư này.

2. Căn cứ kết quả đánh giá hóa chất mới, Cục Hóa chất báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương và đề xuất phương án trình Chính phủ xem xét, quyết định bổ sung hóa chất mới vào các Danh mục hóa chất có điều kiện, Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Danh mục hóa chất cấm để quản lý.

Điều 19. Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về hóa chất

1. Hệ thống truy xuất nguồn gốc và định danh hóa chất, tiền chất được triển khai trên nền tảng VneiDcheck.

2. Cục Hóa chất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, bộ ngành để xây dựng lộ trình áp dụng truy xuất nguồn gốc hóa chất đối với các hóa chất kinh doanh, sử dụng trên nền tảng số.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động hóa chất có trách nhiệm thực hiện việc truy xuất, định danh hóa chất khi hệ thống được triển khai theo quy định.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm đồng bộ, chia sẻ thông tin hóa chất trên cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất theo mẫu tại Phụ lục XXIV kèm theo Thông tư này.

5. Tổ chức, cá nhân cá nhân hoạt động hóa chất có nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin sau đây vào Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất trước ngày 15 tháng 02 hàng năm theo mẫu tại Phụ lục XXV kèm theo Thông tư này.

6. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được sử dụng để phục vụ lưu trữ, quản lý, cập nhật, tích hợp, thống nhất dữ liệu về hóa chất; về hoạt động hóa chất; ngành công nghiệp hóa chất; hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa; an toàn, an ninh trong hoạt động hóa chất; Danh mục hóa chất quốc gia được triển khai trên khai trên <https://chemicaldata.gov.vn/>.

Điều 20. Quy định về phân loại, ghi nhãn hóa chất

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất có nghĩa vụ phân loại và ghi nhãn hóa chất, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả phân loại hóa chất và thông tin thể hiện trên nhãn hóa chất.

2. Việc phân loại hóa chất được thực hiện theo quy tắc và hướng dẫn kỹ thuật của GHS từ Phiên bản 2 năm 2007 trở đi. Hướng dẫn chung và tiêu chí phân loại hóa chất theo GHS được quy định tại Phụ lục XXVI kèm theo Thông tư này.

3. Tổ chức, cá nhân ghi nhãn hóa chất theo thông tin hướng dẫn tại Phụ lục XXVII kèm theo Thông tư này.

CHƯƠNG IV. HÓA CHẤT NGUY HIỂM TRONG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Điều 21. Quy định về hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa chưa có quy chuẩn kỹ thuật

1. Danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hóa phải công bố thông tin trong lĩnh vực công nghiệp ban hành tại Phụ lục XXVIII kèm theo Thông tư này.

2. Các tiêu chí để xác định hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa được xác định như sau:

- a) Các hóa chất có khả năng ảnh hưởng đến vấn đề an ninh
- b) Các hóa chất có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng

3. Căn cứ tình hình thực tế, Bộ Công Thương đánh giá mức độ phù hợp để rà soát, cập nhật danh mục hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hóa phải công bố thông tin trong lĩnh vực công nghiệp.

Điều 22. Công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư này phải thực hiện công bố thông tin về hàm lượng hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm hàng hóa theo quy định tại khoản Điều 29 Nghị định số /2025/NĐ-CP ngày tháng năm 2025. Khai báo thông tin lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoá chất được thực hiện tại <https://chemicaldata.gov.vn/>.

2. Mẫu khai báo thông tin tại Phụ lục XXIX kèm theo Thông tư này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày

2. Khi các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

3. Thông tư này thay thế, bãi bỏ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Hóa chất; Bãi bỏ Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 thán 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2018 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Viện KSNĐTC; Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương; các đơn vị thuộc Bộ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Website Chính phủ; Website Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, HC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

